

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA H'LEO  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST

Ngày: 28-6-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đăng Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Vũ Xuân Thụ.

- Ông Y Mạnh A Drong.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2021/TLST - DS, ngày 08 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2021/QĐST-DS ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Đào Khắc Đ, sinh năm 1970; vắng mặt.

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào ngày 01/01/2017 ông Đào Khắc Đ và bà Phạm Thị H có vay của tôi số tiền là 50.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay và thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hẹn đến tháng 12 năm 2017 sẽ trả đủ tiền gốc và lãi. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông Đ, bà H vẫn không trả cho tôi theo như đã hẹn. Vì vậy, tôi yêu cầu ông Đ, bà H phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng

tiền gốc và lãi suất 1,66%/tháng, kể từ ngày vay là 01/01/2017 cho đến khi trả hết nợ cho tôi trong thời gian sớm nhất.

Về án phí dân sự yêu cầu vợ chồng ông Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn ông Đào Khắc Đ và bà Phạm Thị H trình bày:*

Vào ngày 23/12/2015 vợ chồng chúng tôi có vay của bà Nguyễn Thị T 100.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, hạn đến 23/12/2016 trả hết nợ. Số tiền chúng tôi vay về thì sử dụng cho gia đình 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng chúng tôi đưa cho ông Hồ Văn P và Phan Thị P vay. Vợ chồng ông P và bà P có nghĩa vụ trả số nợ trên cho chúng tôi để chúng tôi trả cho bà T.

Đến 23/12/2016 vợ chồng chúng tôi mới trả được tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi suất (đối số tiền vợ chồng tôi sử dụng cho gia đình); còn 50.000.000 đồng nợ gốc do vợ chồng ông P chưa trả cho chúng tôi nên chúng tôi chưa trả cho bà T được, còn lãi suất bà P đã trả cho bà T rồi (việc trả lãi không có giấy tờ gì, nên không cung cấp được cho Tòa án).

Do chưa trả được số nợ 50.000.000 đồng nên tôi viết giấy vay tiền với bà T ngày 01/01/2017 và thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, hạn đến tháng 12 năm 2017 sẽ trả đủ tiền gốc và lãi, tuy nhiên đến nay vẫn chưa trả được. Vì vậy khi đến hạn trả cho bà T vợ chồng chúng tôi chưa thể trả cho bà T được.

Nay bà T yêu cầu buộc vợ chồng chúng tôi phải trả cho bà T toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh cho bà T thì chúng tôi có ý kiến như sau. Chúng tôi chấp nhận trả tiền gốc 50.000.000 đồng, thời gian trả mỗi năm 10.000.000 đồng, thời gian bắt đầu từ cuối năm 2021 cho đến khi trả xong nợ.

Về lãi suất: Do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn vì vậy chúng tôi không thể trả lãi suất được nên xin bà T không trả tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cần buộc ông Đào Khắc Đ và bà Phạm Thị H trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Đào Khắc Đ và bà Phạm Thị H là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Đào Khắc Đ đến để tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung: Vào ngày 01/01/2017 bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng ông Đào Khắc Đ, bà Phạm Thị H vay 50.000.000 đồng, lãi suất là 02%/tháng; vợ chồng ông Đ và bà T có viết giấy vay tiền và bà H ký nhận. Thời hạn trả nợ là tháng 12/2017. Đến hạn trả nợ bà T đã yêu cầu vợ chồng ông Đ trả nợ nhưng Ông Bà vẫn không trả số nợ trên. Vì vậy, bà T yêu cầu ông Đ và bà H trả số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa bà T và vợ chồng ông Đ, bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình nhưng vợ chồng ông Đ không thực hiện nghĩa vụ là phải trả tiền đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận. Như vậy, vợ chồng ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, bà T yêu cầu ông Đ và bà H trả nợ là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Đ cho rằng: Vào ngày 23/12/2015 vợ chồng Ông Bà có vay của bà Nguyễn Thị T 100.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, hạn đến 23/12/2016 trả hết nợ, số tiền 100.000.000 đồng này sử dụng cho gia đình 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng đưa cho ông Hồ Văn P và Phan Thị P vay. Vợ chồng ông P và bà P có nghĩa vụ trả số nợ trên cho chúng tôi để chúng tôi trả cho bà T, nhưng bà T không chấp nhận và vẫn yêu cầu vợ chồng ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà.

Xét thấy: Quan hệ vay tiền giữa bà T với vợ chồng ông Đ; quan hệ vay tiền giữa ông P và bà P với vợ chồng ông Đ là hai quan hệ khác nhau, không có sự liên đới với nhau. Mặt khác, qua xác minh thì hiện nay vợ chồng bà P không có mặt tại địa phương nên không ghi nhận ý kiến được. Bà T chỉ thừa nhận chỉ giao dịch cho vợ chồng ông Đ vay và yêu cầu vợ chồng ông Đ trả tiền. Đối với số tiền mà vợ chồng ông Đ cho rằng vay của bà T về cho vợ chồng bà P vay lại, thì vợ chồng ông Đ có quyền khởi kiện thành một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Như vậy, vợ chồng ông Đ có vay bà T 50.000.000 đồng là có thật. Cần buộc ông Đ và bà H trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Khi xác lập quan hệ vay tiền bà T và bà H thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, nay bà T yêu cầu vợ chồng ông Đ phải trả lãi suất 1,66%/tháng, kể từ ngày vay cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Xét thấy, khi vay hai bên có thỏa

thuận lãi suất 02%/tháng và yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ khi vay đến khi giải quyết xong vụ án như yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Cần xác định lại mức lãi suất trong hạn là:  $150 \times 9\%/năm = 13,5\%/năm$ , tương đương 1,125%/tháng; mức lãi suất quá hạn là:  $1,125\%/tháng + 0,75\%/tháng = 1,875\%/tháng$ , tuy nhiên bà Tâm chỉ yêu cầu tính mức lãi suất 1,66%/tháng, nên tính mức lãi suất quá hạn là 1,66%/tháng.

Đối với việc vợ chồng ông Đ xin không phải tiền lãi suất vì kinh tế gia đình khó khăn nhưng bà T không chấp nhận. Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông Đ phải trả tiền lãi cho bà T.

Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu của bà T về yêu cầu tính lãi suất, cụ thể số tiền lãi được chấp nhận như sau:

Lãi suất trong hạn thời gian tính từ 01/01/2017 đến 30/12/2017 là 01 năm:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\%/năm = 6.750.000 \text{ đồng}$ . Lãi suất quá hạn từ 01/01/2018 đến 28/6/2021 là 03 năm 06 tháng:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng \times 42 \text{ tháng} = 34.860.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng, tiền lãi vợ chồng ông Đ phải trả cho bà T là được chấp nhận là 41.610.000 đồng.

[4] Về thời hạn trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Đ cho rằng do kinh tế khó khăn nên không có điều kiện trả ngay số tiền trên cho vợ nên xin trả dần, nhưng bà T không đồng ý, yêu cầu vợ chồng ông Đ phải trả ngay số nợ trên. Xét thấy, yêu cầu của ông Đ về thời hạn trả nợ như trên là không hợp lý và không có căn cứ, nên không chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông Đ, bà H phải trả cho bà T 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự: Cần buộc ông Đ, bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà T, ông Đ thuộc diện hộ cận nghèo, xin miễn tiền án phí dân sự nên cần miễn tiền án phí dân sự cho bà Phạm Thị H và ông Đào Khắc Đ. Cần buộc bà T phải chịu khoản tiền án đối với yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận, số tiền này khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Tâm đã nộp, sau khi khấu trừ cần trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 466; Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điều 470; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1; khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Đào Khắc Đ và bà Phạm Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 91.610.000 đồng (Chín mươi một triệu, sáu trăm mười nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi là 41.610.000 đồng (tạm tính đến 28/6/2021).

Kể từ ngày 29/6/2021 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự: Buộc ông Đào Khắc Đ và bà Phạm Thị H phải chịu 4.580.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà T, ông Đ thuộc diện hộ cận nghèo và xin miễn tiền án phí dân sự nên miễn tiền án phí dân sự cho bà Nguyễn Thị T và ông Đào Khắc Đ. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 160.500 đồng tiền án phí dân sự, số tiền này khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Tâm đã nộp, trả lại cho bà Nguyễn Thị T 1.089.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số 0000028, ngày 08/4/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T; bị đơn bà Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Đào Khắc Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Công TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Đăng Khoa**